

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/DS-PT

Ngày: 31/7/2019

"V/v trách nhiệm bồi thường của
Nhà nước trong hoạt động quản lý
hành chính".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà; bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu – Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019, về việc "Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2019. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vương Chí T (tên gọi khác Vương Đình T), sinh năm 1942. Có mặt.

Trú tại: xóm T, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ: Thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H; chức vụ: Phó trưởng phòng tài chính – kế hoạch, Ủy ban nhân dân huyện N. Theo văn bản ủy quyền số 2039 ngày 24/7/2019. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Bá Đ – Nguyên chuyên viên phòng tài nguyên môi trường UBND huyện N, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Phòng tài nguyên môi trường UBND huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Ông Võ Văn V – Nguyên chủ tịch UBND xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt

Địa chỉ: UBND xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An

3. Ông Đặng Tất Th – Nguyên là xóm trưởng xóm T, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm T, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An.

4. Ông Lê Hải Đàn – Nguyên cán bộ địa chính UBND xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm T, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An.

5. Ông Nguyễn Văn Th1 – Nguyên là Chủ tịch UBND xã N1i, huyện N, tỉnh Nghệ An (đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Th1 có bà Trần Thị Th2 là vợ ông Th1. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm T, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An.

6. Ông Hoàng Thanh T1 – Nguyên phó phòng địa chính UBND huyện N, tỉnh Nghệ An (đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Thanh T1 có bà Trương Thị P là vợ ông T1. Vắng mặt

Địa chỉ: xóm K, xã N2, huyện N, tỉnh Nghệ An.

7. Anh Vương Đình D. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm T, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Vương Chí T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Vương Chí T trình bày: Ông Vương Chí T có thửa đất số 29 tờ bản đồ số 2 có diện tích 1400m² tại xóm T, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997. Trong quá trình ông T đi làm ăn ở miền Nam vắng nhà thì một số người đã thực hiện việc lập hồ sơ giả để tách thửa đất của ông cấp cho cháu ông T là Vương Đình D và em gái ông T là bà Vương Thị C.

Trước sự việc sai trái đó ông T đã khiếu nại đến nhiều cấp chính quyền đối với sự việc này. Ngày 09/8/2016, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành quyết định số 1243/QĐ.UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vương Chí T.

Tại quyết định số 1243/QĐ.UBND của Ủy ban nhân dân huyện N đã xác định khiếu nại của ông Vương Chí T là khiếu nại đúng, đã nêu rõ sai phạm của các cá nhân có liên quan trong việc thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển mục đích quyền sử dụng đất từ ông T cho anh Vương Đình D và bà Vương Thị C. Trong quyết định số 1243/QĐ.UBND của Ủy ban nhân dân huyện N đồng thời xác định hành vi vi phạm của người thi hành công vụ trong việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất của ông Vương Chí T cho anh Vương Đình D và bà Vương Thị C gồm các ông Nguyễn Bá Đ - Nguyên chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An, Ông Võ Văn V - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An, ông Đặng Tất Th - Nguyên là xóm trưởng xóm T, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An, ông Lê Hải Đ - Nguyên cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An, ông Nguyễn Văn Th1 - Nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An, ông Hoàng Thanh T1 - Nguyên Phó phòng địa chính huyện N, tỉnh Nghệ An.

Ngày 23/11/2016, Ủy ban nhân dân huyện N đã tiến hành thương lượng với ông Vương Chí T về việc bồi thường trách nhiệm nhà nước, ông Vương Chí T không đồng ý với phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện N.

Sau khi thương lượng không thành, ngày 24/11/2016 Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 2085/QĐ.UBND về việc giải quyết bồi thường cho ông Vương Chí T với số tiền 26.622.000 đồng (hai mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Sau khi nhận được Quyết định số 2085/QĐ.UBND ông Vương Chí T đã khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện N tại Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc đề nghị cơ quan Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện N phải bồi thường cho ông Vương Chí T các khoản sau:

1. Thiệt hại giá trị tiền sử dụng đất $459m^2 \times 15.000.000đ/m^2 = 6.885.000.000$ đồng.

2. Thu nhập thực tế bị mất do mất công sức, thời gian, tiền bạc đi khiếu kiện từ năm 2006 đến tháng 6 năm 2017, mỗi tháng đi hết 15 ngày, mỗi ngày mất 300.000 đồng. $15 \text{ ngày/tháng} \times 12/\text{tháng} \times 12 \text{ năm} \times 300.000đ/\text{ngày} = 648.000.000$ đồng.

3. Tiền thất thoát do không canh tác trên $459m^2$ đất trong 12 năm, mỗi năm 3.000.000 đồng $\times 12 \text{ năm} = 36.000.000$ đồng.

4. Tiền bồi thường về sức khỏe bị xâm phạm bằng 50 lần mức lương do Nhà nước quy định. $1.300.000 \text{ đ} \times 50 \text{ lần} = 65.000.000$ đồng.

5. Bồi thường danh dự, uy tín bị xâm hại bằng 10 lần mức lương do Nhà nước quy định. $1.300.000 \text{ đ} \times 10 \text{ lần} = 13.000.000$ đồng.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, ông T có yêu cầu bổ sung tăng mức bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm từ 65.000.000 đồng lên 69.400.000 đồng; tăng tiền bồi

thường danh dự, uy tín bị xâm hại từ 13.000.000 đồng thành 13.900.000 đồng; bổ sung yêu cầu bồi thường tiền cước gửi bưu điện đi Hà Nội và tại Nghệ An: 1.017.000 đồng; tiền giấy bút thuê đánh máy: 60.000.000 đồng; tiền tàu xe đi về Nghệ An – Hà Nội, tiền ăn, tiền thuê nhà trọ tại Hà Nội: 300.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N phải bồi thường cho ông là 8.013.528.000 đồng.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, ông T bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân huyện N phải bồi thường cho ông cụ thể: Lệ phí chính lý bản đồ thửa đất số 764, 675 thành một thửa 1405, tờ bản đồ số 9 là 1.445.000 đồng. Tiền công sức đi làm chính lý bản đồ do sai trái của UBND xã N1: 21.300.000 đồng. Tiền bồi thường về sức khỏe: 8.734.000 đồng.

Ông Nguyễn Thanh H đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An trình bày: Ngày 09/8/2016, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 1243/QĐ.UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vương Chí T - xóm T, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nội dung khiếu nại của ông Vương Chí T - xóm T, xã N1 khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N xác nhận hành vi vi phạm của người thi hành công vụ trong việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất của ông Vương Chí T cho ông Vương Đình D và bà Vương Thị C trái quy định pháp luật. Tại Quyết định số 1243/QĐ.UBND của Ủy ban nhân dân huyện N cũng đã xác định hành vi vi phạm của người thi hành công vụ trong việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất của ông Vương Chí T cho ông Vương Đình D và bà Vương Thị C.

Đối với yêu cầu bồi thường của nguyên đơn ông Vương Chí T, Ủy ban nhân dân huyện N có ý kiến như sau:

Chấp nhận bồi thường cho nguyên đơn ông Vương Chí T khoản thiệt hại tiền thất thoát do 459 m² không canh tác được là 31.866.000 đồng với các căn cứ Diện tích đất vườn được sản xuất lạc, năng suất lạc của xã N1 bình quân là 120 kg /sào, giá lạc thương phẩm bán trên thị trường là 26.000 đồng/kg, doanh thu trong một vụ: 120 kg/sào/vụ x 26.000 đồng/kg = 3.120.000 đồng/sào/vụ. Các chi phí liên quan đến sản xuất: 200.000 đồng/sào/vụ (làm đất) + 50.000 đồng/sào/vụ (phun thuốc cỏ) + 80.000 đồng/sào/vụ (phân lân 25 kg/sào/vụ giá 3.200 đồng/kg) + 140.000 đồng/sào/vụ (phân NPK 25 kg/sào/vụ giá 5.600 đồng/kg) + 1.200.000 đồng/sào/vụ (2 ngày công để gieo lạc, thu hoạch 4 công, giá 200.000 đồng/ngày công) = 1.670.000 đồng/sào/vụ. Lợi nhuận thực tế thu được từ 459 m² không canh tác trong 10 năm (tính từ năm 2006 đến năm 2016), mỗi năm tính 2 vụ sản xuất là: (459 m² /500m²) x (3.120.000 đồng/sào/vụ – 1.670.000 đồng/sào/vụ) x 2 vụ/năm x 12 năm = 31.866.000 đồng.

Không chấp nhận bồi thường cho nguyên đơn ông Vương Chí T khoản thiệt hại khác với các căn cứ sau:

Về thiệt hại do tài sản bị xâm phạm: Đối với quyền sử dụng đất 459 m² của ông Vương Chí T do giả mạo chữ ký của ông Vương Chí T để chuyển nhượng cho ông Vương Đình D và bà Vương Thị C đã được UBND huyện N thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 về việc thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Vương Thị C và Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 về việc thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Vương Đình D . Do vậy, ông Vương Chí T không bị thiệt hại về quyền sử dụng đất 459 m², không có cơ sở để yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm.

Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút: Không có cơ sở để tính toán bồi thường do phải tham gia khiếu kiện, đi kiện và khiếu kiện là quyền và nghĩa vụ công dân phải thực hiện. Do vậy không chấp nhận bồi thường.

Thiệt hại do tổn thất về sức khỏe và tinh thần: Không có cơ sở để tính toán bồi thường về danh dự, uy tín và tinh thần, sức khỏe, vì thực tế ông Vương Chí T không bị tù oan sai.

Đối với yêu cầu ngày 10 tháng 8 năm 2018 của ông T về yêu cầu bổ sung khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân huyện N phải bồi thường cho ông T 39.090.000 đồng, UBND huyện N không chấp nhận do việc trích đo đối với thửa đất của ông T là việc giao dịch về dịch vụ công giữa ông T và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Ông T sử dụng dịch vụ công thì phải nộp tiền theo quy định.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 59/2018/DS - ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 604, 605, 608, điều 619 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, điều 35, điều 39, điểm d khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4, 5, 6, khoản 8 điều 13, điều 22, điều 23, điều 64 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước; Điều 3 Nghị định số 16 /2010/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ; Điều 4, 5, 6, 7, 9 Thông tư liên tịch số 18/TTLT-BTP-BTC-TTCTP ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Vương Chí T.

Buộc UBND huyện N, tỉnh Nghệ An phải bồi thường cho ông Vương Chí T tổng số tiền là 38.549.000 đ (Ba mươi tám triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự, nếu không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 ông Vương Chí T kháng cáo toàn bộ Bản án; ngày 13/02/2019 kháng cáo bổ sung, với nội dung:

- Yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện N lấy đất của ông T cấp cho Vương Đình D xây nhà kiên cố gây hậu quả nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông T 15.000.000đ/m², nếu không bồi thường bằng tiền thì tháo dỡ nhà của Vương Đình D trả lại đất (mặt bằng) cho ông T nguyên hiện trạng lúc ban đầu.

- Chủ tọa phiên tòa ông Vũ Đức Thúy không tuân thủ pháp luật, đánh tráo nội dung đơn khởi kiện, hướng dẫn ông T viết đơn khởi kiện vụ án dân sự khác.

- Bản án sơ thẩm buộc bồi thường tiền đất không canh tác được trên diện tích 459m² từ năm 2006 đến năm 2018 là 13 năm (chứ không phải 12 năm như bản án) và các năm tiếp theo cho đến ngày Chủ tịch UBND huyện N tháo dỡ nhà trả lại mặt bằng cho ông T nguyên hiện trạng lúc ban đầu, ngày đó mới chấm dứt không đòi bồi thường nữa.

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại trên diện tích 459m² bằng hai vụ trồng lạc: Vụ xuân hè 35.920.000đ; vụ hè thu 57.200.000đ. Tổng 2 vụ lạc: 93.120.000đ.

- Tiền công đi khiếu kiện, tố cáo 13 năm, tổng số tiền 648.000.000đ.

- Tiền về sức khỏe bị xâm phạm (50 tháng lương cơ sở): 69.500.000đ

- Tiền về danh dự, uy tín (10 lần mức lương cơ sở): 13.900.000đ

- Các chi phí khác như chi phí đi lại, phòng nghỉ, in ấn tài liệu trong 13 năm đi khiếu kiện là 108.160.000đ.

- Tiền đi làm hồ sơ chính lý bản đồ thửa đất: 39.000.000đ

Tổng số tiền, yêu cầu bồi thường là 971.680.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T rút một phần nội dung khởi kiện về tiền làm hồ sơ chính lý bản đồ thửa đất 39.000.000đ, các nội dung kháng cáo khác ông giữ nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm xử lý vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn, bị đơn, và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Ông T yêu cầu cơ quan có trách nhiệm bồi thường thực hiện việc giải quyết bồi thường thiệt hại thực tế như chi phí tàu xe, đi lại, ăn ở trong quá trình giải quyết khiếu nại để có được văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ, nhưng bản án sơ thẩm không yêu cầu ông T xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh thiệt hại trong thời gian khiếu nại để có được văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ, để xem xét giải quyết yêu cầu của ông T mà nhận định các chi phí đi lại, ngày công đã được xem xét tại

khoản yêu cầu thu nhập thực tế bị mất do cong sức thời gian tiền bạc đi khiếu kiện từ năm 2006 đến 2017 là chưa đầy đủ, không đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị tạm ngừng phiên tòa để để xác minh, điều tra bổ sung tài liệu chứng cứ và để ông T nộp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung của ông Vương Chí T làm trong hạn luật định, nên hợp pháp, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, ông Nguyễn Bá Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, những người còn lại vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Vương Chí T:

[2.1] Thiệt hại giá trị tiền sử dụng đất $459 \text{ m}^2 \times 15.000.000\text{đ}/\text{m}^2$, nếu không bồi thường bằng tiền, yêu cầu buộc chủ tịch UBND huyện N tháo dỡ nhà của Vương Đình D trả lại mặt bằng cho ông. Xét thấy:

Quyền sử dụng diện tích đất 459 m^2 của ông Vương Chí T đã được cấp sai cho ông Vương Đình D và bà Vương Thị C nên Ủy ban nhân dân huyện N đã Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Vương Thị C, cấp cho ông Vương Đình D. Quyền sử dụng đất này vẫn đang thuộc quyền sử dụng của ông T, không gây ảnh hưởng, thiệt hại gì tới quyền lợi của ông. Đối với việc ông Vương Đình D đang có nhà cấp 4 xây dựng trên một phần đất này, sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu. Nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông T.

[2.2] Đối với yêu cầu bồi thường tiền thất thoát do không canh tác trên 459 m^2 đất trong 13 năm là 93.120.000 đồng.

Yêu cầu này của ông T cũng là khoản thiệt hại thực tế. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, cũng như văn bản trả lời Trung tâm khuyến lâm, khuyến ngư huyện Nghi Lộc thì loại cây được canh tác phổ biến tại địa phương là cây lạc, một năm sản xuất 02 vụ. Án sơ thẩm chấp nhận 12 năm (vì trong đơn khởi kiện ông T chỉ yêu cầu 12 năm) $\times 3.000.000\text{đ} = 36.000.000\text{đ}$.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện Ủy ban nhân dân huyện N chấp nhận tính thêm 01 năm canh tác nữa, cần ghi nhận sự tự nguyện này và tính cho ông T là 13 năm $\times 3.000.000\text{đ}/\text{năm} = 39.000.000\text{đ}$.

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của Thuần.

[2.3] Đối với thiệt hại thực tế bị mất do mất công sức, thời gian, tiền bạc đi khiếu kiện từ năm 2006 đến năm 2018. Xét thấy: Đây là thiệt hại thực tế, căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình như các biên bản đối thoại, biên bản làm việc, các văn bản khác, đối chiếu với văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện N thì thời gian ông Vương Chí T trực tiếp khiếu nại, tố cáo, làm việc liên quan đến nội dung ông T về việc lập hồ sơ để tách thửa đất của ông cấp cho cháu ông T là Vương Đình D và em gái ông T là bà Vương Thị C trái pháp luật là 21 lần tương ứng 21 ngày tại cơ quan giải quyết là Ủy ban nhân dân huyện N. Như vậy chỉ có căn cứ cần chấp nhận một khoản tương ứng thu nhập bình quân trên địa bàn đối với người yêu cầu là 1.732.000đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu thiệt hại về sức khỏe, bị xâm phạm ông T yêu cầu 69.500.000đ. Xét thấy: Đây là vụ án trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, thiệt hại này do cán bộ công chức gây ra. Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào chứng minh những người cán bộ công chức có liên quan đã xâm hại đến danh dự, uy tín, sức khỏe đối với ông T nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[2.5] Đối với yêu cầu bồi thường danh dự, uy tín bị xâm hại 13.900.000đ. Xét thấy: Trong hồ sơ ông T cung cấp cho Tòa án không có tài liệu nào chứng minh những người cán bộ công chức có liên quan đã xâm hại đến danh dự, uy tín đối với ông T, nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[2.6] Đối với khoản tiền thuê phòng nghỉ, đi lại trong thời gian 13 năm, tiền in ấn tài liệu bằng 108.160.000đ. Xét thấy: Cấp sơ thẩm đã chấp nhận khoản tiền cước gửi bưu điện đi Hà Nội và Nghệ An 1.017.000đ; tiền đánh máy, in sao tài liệu 1.000.000đ là hợp lý với chứng cứ tài liệu mà ông T đã xuất trình.

Khoản tiền đi lại, thuê phòng nghỉ thì ông T không cung cấp được các hóa đơn chứng từ chứng minh trong thời gian ông đi khiếu kiện có sử dụng các dịch vụ đó. Hơn nữa vụ án này là do UBND huyện N trực tiếp giải quyết, các chi phí đi lại, ngày công đã được xem xét tại khoản yêu cầu thu nhập thực tế bị mất do công sức, thời gian, tiền bạc đi khiếu kiện từ năm 2006 đến tháng 6 năm 2017 nên khoản yêu cầu này không có căn cứ để xem xét.

[2.7] Đối với khoản tiền chỉnh lý bản đồ thửa đất, tiền in ấn tài liệu, tiền công đi làm để làm hồ sơ chỉnh lý từ Nghị Thái đến UBND huyện N trong thời gian 2 năm, số tiền 39.000.000đ. Xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông T đã rút nội dung khởi kiện này. Nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử nội dung khởi kiện này.

[2.8]. Ông T kháng cáo cho rằng chủ tọa phiên tòa không tuân thủ pháp luật, làm ảnh hưởng quyền lợi của ông. Xét thấy, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng pháp luật qui định, nên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh chi phí ăn ở, đi lại trong thời gian khiếu kiện từ năm 2006 đến năm 2017.

Xét: Bộ luật tố tụng dân sự qui định: Trong các vụ án dân sự, trách nhiệm chứng minh trước hết thuộc về đương sự, mặt khác ông T là người hiểu biết pháp luật hoặc được tư vấn pháp luật, thể hiện trong đơn kháng cáo, ông trích dẫn rất nhiều điều luật, nhưng ông không chứng minh thêm được nữa, chứ không phải ông không biết để chứng minh. Nên không cần thiết tạm ngừng phiên tòa.

[3] Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo qui định của pháp luật (ông T là người cao tuổi).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vương Chí T. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 604,605, 608, điều 619 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, điều 35, điều 39, điểm d khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 4, 5, 6 khoản 8 điều 13, Điều 22, Điều 23, Điều 64 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước; Điều 3 Nghị định số 16 /2010/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ; các Điều 4,5,6,7,9 Thông tư liên tịch số 18/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần nội dung khởi kiện của ông Vương Chí T về yêu cầu tiền đi làm hồ sơ chỉnh lý bản đồ thửa đất với số tiền 39.000.000đ.

2. Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Vương Chí T.

Buộc UBND huyện N, tỉnh Nghệ An phải bồi thường cho ông Vương Chí T tổng số tiền là 41.549.000 đ (Bốn mươi một triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự, nếu không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ông Vương Chí T có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để yêu cầu người có tài sản trên đất của ông tháo dỡ các tài sản đó.

2. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nghi Lộc
- THADS huyện Nghi Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA.

Nguyễn Đăng Phôn